

**CÔNG TY TNHH WAHA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH WAHA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: WAHA COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: WAHA CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108405386

**3. Ngày thành lập:** 16/08/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 6/78/45 Hoàng Như Tiếp, tổ 8, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0979 985 665

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                              | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | In ấn                                                                                                  | 1811     |
| 2.  | Dịch vụ liên quan đến in                                                                               | 1812     |
| 3.  | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                 | 3314     |
| 4.  | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                 | 3319     |
| 5.  | Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)                                                           | 4512     |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                     | 4649     |
| 7.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                | 4663     |
| 8.  | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                     | 4719     |
| 9.  | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh | 4741     |
| 10. | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh             | 4762     |
| 11. | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                             | 9512     |
| 12. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                             | 3312     |
| 13. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                 | 3313     |
| 14. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                              | 4742     |
| 15. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh   | 4752     |
| 16. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                       | 4771     |
| 17. | Bán mô tô, xe máy (không bao gồm Đại lý đấu giá mô tô, xe máy loại mới và loại đã qua sử dụng)         | 4541     |
| 18. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                   | 4641     |
| 19. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                 | 4653     |

|     |                                                                                                                                                                                  |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 20. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                | 4669        |
| 21. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                   | 4329        |
| 22. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                   | 4330        |
| 23. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                              | 4390        |
| 24. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                              | 4511        |
| 25. | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                   | 4520        |
| 26. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(không bao gồm Hoạt động đấu giá phụ tùng ô tô và xe có động cơ khác)                                      | 4530        |
| 27. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                              | 4651        |
| 28. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                               | 4652        |
| 29. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi                                      | 4931        |
| 30. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                  | 4659(Chính) |
| 31. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh          | 4759        |
| 32. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                       | 4763        |
| 33. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                            | 6201        |
| 34. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                              | 6202        |
| 35. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                  | 6209        |
| 36. | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng                                                                                                                                     | 9521        |
| 37. | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình                                                                                                                                              | 9522        |
| 38. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                            | 4321        |
| 39. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                  | 4322        |
| 40. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                               | 6311        |
| 41. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Các dịch vụ thông tin qua điện thoại;<br>- Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí; | 6329        |
| 42. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Tư vấn chuyển giao công nghệ                                                                | 7490        |
| 43. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                         | 4782        |
| 44. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                             | 4933        |
| 45. | Xuất bản phần mềm                                                                                                                                                                | 5820        |

|     |                                                                                                                                     |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 46. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh | 8299 |
| 47. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                           | 9511 |
| 48. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (không bao gồm Đấu giá bán lẻ qua internet)                                 | 4791 |
| 49. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                         | 5210 |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên  | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức              | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN VĂN BA     | Số 39, ngõ 80, ngách 14 phố Hoa Lâm, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 300.000.000           | 60,000    | 038084005050                                                                                                                                      |         |
| 2   | NGUYỄN NGỌC ANH | Số 39, ngõ 80, ngách 14 phố Hoa Lâm, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 200.000.000           | 40,000    | 038191002979                                                                                                                                      |         |

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: TRẦN VĂN BA

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 02/02/1984

Dân tộc: Thái

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 038084005050

Ngày cấp: 13/12/2016

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 39, ngõ 80, ngách 14 phố Hoa Lâm, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 39, ngõ 80, ngách 14 phố Hoa Lâm, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội